

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/DSST;
Ngày: 02/8/2022;
Tranh chấp “**Hợp đồng góp
hụi**”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Huỳnh Ngọc Trứ;**

- Ông **Lê Văn Tám;**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký
Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang;*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Cai Lay tỉnh Tiền Giang tham gia
phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Cai Lay xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2022/TLST-DS ngày 08/4/2022 về việc
“*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-DS ngày
27/6/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2022/QĐ-ST ngày 14 tháng 7 năm
2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974 ;

Địa chỉ: ấp M, xã Mỹ H, thị xã C, tỉnh T;

- **Bị đơn: Hồ Tuấn K**, sinh năm 1967;

+ **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1964;

+ **Hồ Thanh T**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Mỹ H, thị xã C, tỉnh T.

(Có mặt bà T, ông K, bà Bé H, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào năm 2012 vợ chồng ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và con là Hồ Thanh
T có tổ chức 07 dây hụi, bà có tham gia góp hụi và đóng tiền hụi đầy đủ, nhưng sau đó
ông Kiệt, bà Hai tuyên bố bỏ hụi.

Khi chấm dứt hội, ông K, bà H, anh T có làm giấy đối chiếu nợ hội và xác nhận còn nợ bà số tiền hội tổng số tiền và vàng của các dây hội là 63.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara. Đồng thời khi làm giấy xác nhận nợ tiền, vàng cho bà ông K, bà H, anh T hứa hàng năm vào mỗi mùa lúa ông K, bà H, anh T sẽ trả cho bà 5.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24 kara cho đến khi hết nợ. Nhưng khi đến mùa lúa ông Kiệt, bà Hai anh T hẹn nhưng không trả cho bà, sau đó ông K, bà Bé H hứa khi nào bán đất sẽ trả hết số tiền và vàng cho bà.

Ngoài ra vào ngày 20/11/2013 ông K, bà H anh T còn vay bà số tiền 95.000.000 đồng, khi vay có viết biên nhận và hứa 06 tháng sẽ trả cho bà 25.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông K, bà H, anh T không trả cho bà như thỏa thuận.

Tổng cộng ông K, bà H, anh T còn nợ bà là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24kara.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà nợ hội gồm: số tiền 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T là tranh chấp hợp đồng góp hội được xem xét giải quyết theo Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về tố tụng: Ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]Về nội dung: Vợ chồng ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và con là Hồ Thanh T có tổ chức 07 dây hội, bà T có tham gia góp hội và đóng tiền hội đầy đủ, nhưng sau đó ông K, bà Bé H tuyên bố bỏ hội và trốn khỏi địa phương.

Khi chấm dứt hội, ông K, bà Bé H, anh T có làm giấy đối chiếu nợ hội và xác nhận còn nợ bà T số tiền hội và vàng của các dây hội là 63.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara. Đồng thời khi làm giấy xác nhận nợ tiền, vàng cho bà T, ông K, bà Bé H, anh T hứa hàng năm vào mỗi mùa lúa ông K, bà Bé H, anh T sẽ trả cho bà 5.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24 kara cho đến khi hết nợ. Nhưng khi đến mùa lúa bà Triều yêu cầu trả nợ thì

ông K, bà H anh T lại hẹn khi nào bán đất sẽ trả hết số tiền và vàng cho bà. Sau đó ông K, bà Bé H cùng anh T bỏ địa phương hiện nay bà T cũng không liên lạc được ông Kiệt, bà Bé H, anh T.

Ngoài ra vào ngày 20/11/2013 ông K, bà Bé H, anh T còn vay bà số tiền 95.000.000 đồng, khi vay có viết biên nhận nợ và hứa 06 tháng sẽ trả cho bà 25.000.000 đồng. Nhưng sau đó ông K, bà H, anh T không trả cho bà như thỏa thuận.

Tổng cộng ông K, bà H, anh T còn nợ tiền hụi bà T là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24kara.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T phải liên đới trả cho bà số tiền vay và nợ hụi là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T cũng như trình bày của bà tại phiên tòa hôm nay thì ông K, bà Bé H làm chủ nhiều dây hụi sau khi các hụi viên đã góp hụi đầy đủ thì ông K, bà Bé H tuyên bố vỡ hụi đồng thời hứa sẽ trả lại số tiền mà các hụi viên đã góp trong đó có bà Triều. Nhưng vợ chồng ông K không thực hiện và đã bỏ trốn khỏi địa phương.

[5] Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay và nợ hụi là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị T có cơ sở bởi lẽ ông K, bà Bé H và anh Tú mở hụi và làm chủ của nhiều dây hụi, quá trình tham gia góp hụi bà T đã góp cho ông K, bà Bé H và anh T với số tiền của 07 dây hụi và số tiền vay là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara đã thể hiện trong các biên nhận nợ và biên bản hòa giải ngày 12/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, cũng như trình bày của bà Nguyễn Thị T tại phiên tòa hôm nay.

Đối với bị đơn Tòa án đã nhiều lần mời ông K, bà Bé H và anh T đến để hòa giải nhưng ông K, bà Bé H, anh T cố tình vắng mặt. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T và các chứng cứ trong hồ sơ và trình bày tại Tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T phải chịu án phí theo định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471; Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi biểu, phùng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay và nợ hụi là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T phải chịu 24.745.840 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng) tiền án phí sơ thẩm. Tại thời điểm xét xử giá vàng 24 kara là 5.280.000 đồng/chỉ x 63,81 = 336.916.800 đồng + 158.000.000 đồng = 494.916.800 đồng.

+ Hoàn lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 11.541.000 đồng theo biên lai thu số 0002417 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T có quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG (thay bào cao);
- VKSND tx Cai Lậy;
- CC. THADS TX Cai Lậy (nếu thi haønh);
- Nñông sỡi (nếu thi haønh);
- Lưu hoà số.

Nguyễn Hòa Hợp

Buộc ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hui là 158.000.000 đồng và 63,81 chỉ vàng 24 kara làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

Biểu quyết: thống nhất 3/3

4. Các vấn đề khác:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T phải chịu 24.745.840 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng) tiền án phí sơ thẩm. Tại thời điểm xét xử giá vàng 24 kara là 5.280.000 đồng/chỉ x 63,81 = 336.916.800 đồng + 158.000.000 đồng = 494.916.800 đồng.

+ Hoàn lại bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí 11.541.000 đồng theo biên lai thu số 0002417 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng ông Hồ Tuấn K, bà Nguyễn Thị Bé H và anh Hồ Thanh T có quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 02 tháng 8 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)